

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022_2023

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
1	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_01_13D	50	36	LT	Lê Minh Sao	05/09-25/12/22	16									1,2,3	A2.407 (TA5)					CDCQ 47
2	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_02_134	46	47	LT	Lê Minh Sao	05/09-25/12/22	16			1,2,3	A2.307 (TA4)											CDCQ 47
3	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_04_1CC	50	47	LT	Đinh Thị Thu	05/09-25/12/22	16											3,4,5	A2.208 (TA2)			CDCQ 47
4	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_06_17A	42	42	LT	Lê Minh Sao	05/09-25/12/22	16											9,10,11	A2.207 (TA1)			CDCQ 47
5	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_09_1A1	50	49	LT	Lê Minh Sao	05/09-25/12/22	16					1,2,3	A2.407 (TA5)									CDCQ 47
6	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(122)_01_TH	20	18	TH	Nguyễn Đình Thư	12/12-01/01/23	3	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109					CDCQ 46
7	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(122)_02_TH	20	20	TH	Nguyễn Đình Thư	21/11-11/12/22	3	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109	8,9,10,11	A4.109			CDCQ 46
8	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(122)_03_TH	20	20	TH	Nguyễn Đình Thư	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109			CDCQ 46
9	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(122)_01_TH	20	20	TH	Võ Văn Đức	10/10-20/11/22	6	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110			CDCQ 46
10	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(122)_02_TH	20	19	TH	Võ Văn Đức	21/11-01/01/23	6	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110	1,2,3,4	A4.110			CDCQ 46
11	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(122)_03_TH	20	21	TH	Võ Văn Đức	21/11-01/01/23	6	8,9,10,11	A4.110	8,9,10,11	A4.110	8,9,10,11	A4.110	8,9,10,11	A4.110	8,9,10,11	A4.110	8,9,10,11	A4.110			CDCQ 46
12	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(122)_01_TH	22	22	TH	Hà Huy Công	05/09-16/10/22	6	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108			CDCQ 47
13	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(122)_02_TH	22	19	TH	Hà Huy Công	17/10-27/11/22	6	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210			CDCQ 47
14	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(122)_01_TH	20	19	TH	Hà Huy Công	21/11-11/12/22	3	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210			CDCQ 46
15	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(122)_02_TH	20	18	TH	Hà Huy Công	31/10-20/11/22	3	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210			CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
16	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(122)_03_TH	20	20	TH	Hà Huy Công	10/10-30/10/22	3	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210	1,2,3,4	A4.210			CDCQ 46
17	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(122)_01_TH	20	22	TH	Nguyễn Đình Thư	31/10-20/11/22	3	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210			CDCQ 46
18	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(122)_02_TH	20	18	TH	Nguyễn Đình Thư	10/10-30/10/22	3	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210			CDCQ 46
19	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(122)_03_TH	20	19	TH	Nguyễn Đình Thư	31/10-20/11/22	3	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109	1,2,3,4	A4.109			CDCQ 46
20	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(122)_04_TH	22	22	TH	Hà Huy Công	28/11-18/12/22	3	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108	8,9,10,11	A4.108			CDCQ 47
21	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(122)_05_TH	22	17	TH	Hà Huy Công	28/11-18/12/22	3	13,14,15,16	A4.108	13,14,15,16	A4.108	13,14,15,16	A4.108	13,14,15,16	A4.108	13,14,15,16	A4.108	13,14,15,16	A4.108			CDCQ 47
22	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(122)_01_TH	22	22	TH	Võ Văn Đức	17/10-20/11/22	5	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210			CDCQ 47
23	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(122)_02_TH	22	18	TH	Võ Văn Đức	05/09-16/10/22	6	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210	8,9,10,11	A4.210			CDCQ 47
24	3DN104 CD	2	Cơ sở điều khiển tự động(122)_01	19	16	LT	Bùi Thanh Hòa	05/09-01/01/23	17					1,2	A2.108									CDCQ 47
25	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(122)_03	50	43	LT	Đặng Quang Khoa	05/09-01/01/23	17							1,2	A2.310							CDCQ 47
26	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122)_09_TH	11	12	TH	Nguyễn Văn Độ	07/11-26/11/22	3	13,14,15,16	A3-111	13,14,15,16	A3-111	13,14,15,16	A3-111	13,14,15,16	A3-111	13,14,15,16	A3-111					CDCQ 46
27	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(122)_01_TH	15	14	TH	Đặng Quang Khoa	21/11-11/12/22	3	8,9,10,11	A4-101	8,9,10,11	A4-101	8,9,10,11	A4-101	8,9,10,11	A4-101	8,9,10,11	A4-101					CDCQ 46
28	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(122)_02_TH	16	10	TH	Đặng Quang Khoa	12/12-01/01/23	3	7,8,9,10	A4-101	7,8,9,10	A4-101	7,8,9,10	A4-101	7,8,9,10	A4-101	7,8,9,10	A4-101					CDCQ 47
29	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(122)_09_TH	15	11	TH	Võ Tiến Dũng	19/09-09/10/22	3	8,9,10,11	A3-109	8,9,10,11	A3-109	8,9,10,11	A3-109	8,9,10,11	A3-109	8,9,10,11	A3-109					CDCQ 46
30	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(122)_09_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	19/09-09/10/22	3	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306					CDCQ 46
31	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(122)_10_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	10/10-30/10/22	3	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306					CDCQ 46
32	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(122)_11_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	31/10-20/11/22	3	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306					CDCQ 46
33	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(122)_12_TH	20	16	TH	Nguyễn Đăng Thông	21/11-11/12/22	3	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306	8,9,10,11	A4-306					CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
34	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong	15	22	TH	Nguyễn Văn Minh	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A4-101	1,2,3,4	A4-101	1,2,3,4	A4-101	1,2,3,4	A4-101	1,2,3,4	A4-101					CDCQ 46
35	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(122)_01_TH	20	20	TH	Nguyễn Văn Minh	21/11-11/12/22	3	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207					CDCQ 47
36	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(122)_02_TH	21	17	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	19/09-09/10/22	3	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207					CDCQ 46
37	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(122)_03_TH	21	21	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	10/10-30/10/22	3	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207					CDCQ 46
38	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(122)_04_TH	21	22	TH	Nguyễn Văn Minh	31/10-20/11/22	3	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207	1,2,3,4	A3-207					CDCQ 46
39	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(122)_05_TH	20	15	TH	Nguyễn Văn Minh	12/12-01/01/23	3	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207	7,8,9,10	A3-207					CDCQ 47
40	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(122)_01_TH	17	22	TH	Nguyễn Văn Minh	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304					CDCQ 47
41	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(122)_02_TH	17	21	TH	Nguyễn Văn Minh	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304					CDCQ 47
42	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(122)_03_TH	17	0	TH	Hồ Xuân Bằng	17/10-06/11/22	3	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304	7,8,9,10	A4-304					CDCQ 47
43	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(122)_01_TH	11	11	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A3-112	1,2,3,4	A3-112	1,2,3,4	A3-112	1,2,3,4	A3-112	1,2,3,4	A3-112					CDCQ 46
44	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(122)_02_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	07/11-27/11/22	3	13,14,15,16	A3-112	13,14,15,16	A3-112	13,14,15,16	A3-112	13,14,15,16	A3-112	13,14,15,16	A3-112					CDCQ 47
45	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122)_04_TH	20	22	TH	Ngô Thị Lê	19/09-09/10/22	3	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108					CDCQ 46
46	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122)_05_TH	20	22	TH	Ngô Thị Lê	10/10-30/10/22	3	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108					CDCQ 46
47	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122)_06_TH	20	0	TH	Ngô Thị Lê	31/10-20/11/22	3	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108					CDCQ 46
48	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122)_07_TH	20	23	TH	Ngô Thị Lê	21/11-11/12/22	3	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108					CDCQ 46
49	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122)_08_TH	18	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	14/11-04/12/22	3	7,8,9,10	A3-108	7,8,9,10	A3-108	7,8,9,10	A3-108	7,8,9,10	A3-108	7,8,9,10	A3-108					CDCQ 46
50	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122)_07_TH	18	23	TH	Nguyễn Thanh Long	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107					CDCQ 46
51	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122)_08_TH	18	22	TH	Bùi Trung Tuyển	12/12-01/01/23	3	8,9,10,11	A3-107	8,9,10,11	A3-107	8,9,10,11	A3-107	8,9,10,11	A3-107	8,9,10,11	A3-107					CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
52	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122)_09_TH	18	22	TH	Bùi Trung Tuyền	21/11-11/12/22	3	13,14,15,16	A3-107	13,14,15,16	A3-107	13,14,15,16	A3-107	13,14,15,16	A3-107	13,14,15,16	A3-107					CDCQ 46
53	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122)_07_TH	20	15	TH	Bùi Xuân Vinh	28/11-18/12/22	3	7,8,9,10	A4-207	7,8,9,10	A4-207	7,8,9,10	A4-207	7,8,9,10	A4-207	7,8,9,10	A4-207					CDCQ 47
54	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_07_TH	18	19	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	31/10-20/11/22	3	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103					CDCQ 46
55	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_08_TH	18	0	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	21/11-11/12/22	3	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103					CDCQ 46
56	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_09_TH	18	18	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	12/12-01/01/23	3	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103	8,9,10,11	A4-103					CDCQ 46
57	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_10_TH	18	18	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	05/12-25/12/22	3	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102					CDCQ 46
58	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(122)_01_TH	20	20	TH	Phan Sỹ Phương	10/10-30/10/22	3	8,9,10,11	A4-202	8,9,10,11	A4-202	8,9,10,11	A4-202	8,9,10,11	A4-202	8,9,10,11	A4-202					CDCQ 46
59	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(122)_02_TH	20	18	TH	Hà Quốc Tuấn	10/10-30/10/22	3	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202					CDCQ 46
60	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(122)_03_TH	20	18	TH	Hà Quốc Tuấn	21/11-11/12/22	3	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202	1,2,3,4	A4-202					CDCQ 46
61	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_01_TH	22	25	TH	Trần Xuân Sơn	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A					CDCQ 46
62	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_02_TH	22	24	TH	Nguyễn Văn Thiêm	17/10-06/11/22	3	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A					CDCQ 46
63	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_03_TH	22	24	TH	Nguyễn Văn Thiêm	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A					CDCQ 46
64	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_04_TH	20	22	TH	Nguyễn Văn Thiêm	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	X.SC.T L-KN B	7,8,9,10	X.SC.T L-KN B	7,8,9,10	X.SC.T L-KN B	7,8,9,10	X.SC.T L-KN B	7,8,9,10	X.SC.T L-KN B					CDCQ 47
65	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_05_TH	20	21	TH	Trần Xuân Sơn	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A	7,8,9,10	X.SC.T L-KN A					CDCQ 47
66	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_06_TH	20	21	TH	Nguyễn Văn Thiêm	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A					CDCQ 47
67	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(122)_07_TH	20	19	TH	Nguyễn Văn Hiếu	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A					CDCQ 47
68	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_01_TH	20	18	TH	Dương Đình Vinh	07/11-18/12/22	6	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-					CDCQ 47
69	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_02_TH	20	17	TH	Phạm Văn Thành	07/11-18/12/22	6	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-	7,8,9,10	X.GA M OTO-					CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	
70	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_03_TH	20	20	TH	Dương Đình Vinh	07/11-18/12/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-					CDCQ 47
71	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_04_TH	20	17	TH	Phạm Văn Thành	07/11-18/12/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-	1,2,3,4	X.GA M OTO-					CDCQ 47
72	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_01_TH	22	23	TH	Trần Viết Phương	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-	1,2,3,4	X.DIE N OTO-	1,2,3,4	X.DIE N OTO-	1,2,3,4	X.DIE N OTO-	1,2,3,4	X.DIE N OTO-					CDCQ 46
73	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_02_TH	22	23	TH	Trần Viết Phương	26/09-06/11/22	6	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO-	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO-	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO-	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO-	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO-					CDCQ 46
74	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_03_TH	22	23	TH	Trần Viết Phương	07/11-18/12/22	6	13,14,1 5,16	X.DIE N OTO-	13,14,1 5,16	X.DIE N OTO-	13,14,1 5,16	X.DIE N OTO-	13,14,1 5,16	X.DIE N OTO-	13,14,1 5,16	X.DIE N OTO-					CDCQ 46
75	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xướng và vận hành xe ô tô(122)_01_TH	20	20	TH	Dương Đình Vinh	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A					CDCQ 47
76	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xướng và vận hành xe ô tô(122)_02_TH	20	20	TH	Dương Đình Vinh	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A	7,8,9,1 0	X.NGU OI CB A					CDCQ 47
77	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xướng và vận hành xe ô tô(122)_03_TH	20	14	TH	Dương Đình Vinh	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C					CDCQ 47
78	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xướng và vận hành xe ô tô(122)_04_TH	20	20	TH	Dương Đình Vinh	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C	1,2,3,4 C	X.NGU OI CB C					CDCQ 47
79	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(122)_01_TH	10	14	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	03/10-13/11/22	6	8,9,10, 11	X.SC.T BCK D	8,9,10, 11	X.SC.T BCK D	8,9,10, 11	X.SC.T BCK D	8,9,10, 11	X.SC.T BCK D	8,9,10, 11	X.SC.T BCK D					CDCQ 46
80	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(122)_01_TH	22	25	TH	Trần Viết Phương	26/09-16/10/22	3	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-					CDCQ 46
81	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(122)_02_TH	22	25	TH	Đào Tất Thắm	07/11-27/11/22	3	7,8,9,1 0	X.GA M OTO-	7,8,9,1 0	X.GA M OTO-	7,8,9,1 0	X.GA M OTO-	7,8,9,1 0	X.GA M OTO-	7,8,9,1 0	X.GA M OTO-					CDCQ 46
82	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(122)_03_TH	22	25	TH	Đào Tất Thắm	28/11-18/12/22	3	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-					CDCQ 46
83	3DL102 DC	3	Công nghệ chẩn đoán và sửa chữa TBCK + BTL(122)_01	10	7	LT	Nguyễn Thanh Bình	05/09-25/12/22	16					1,2,3	A2.102									CDCQ 47
84	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(122)_01_TH	8	6	TH	Nguyễn Văn Hiếu	05/09-25/09/22	3	7,8,9,1 0	X.LĐ.T BCK B	7,8,9,1 0	X.LĐ.T BCK B	7,8,9,1 0	X.LĐ.T BCK B	7,8,9,1 0	X.LĐ.T BCK B	7,8,9,1 0	X.LĐ.T BCK B					CDCQ 47
85	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(122)_01_TH	10	16	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D					CDCQ 46
86	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(122)_01_TH	10	17	TH	Trần Xuân Sơn	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK D					CDCQ 46
87	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(122)_8	10	1	LT		05/09-11/12/22	14	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT					CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
88	3CK105 CD	3	Cơ sở công nghệ chế tạo máy + BTL(122)_01	17	19	LT	Nguyễn Bá Thuận	05/09-25/12/22	16							1,2,3	A2.108							CDCQ 47
89	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(122)_01_TH	17	18	TH	Cao Xuân Lại	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	X.HAN-GCAL4	7,8,9,10	X.HAN-GCAL4	7,8,9,10	X.HAN-GCAL4	7,8,9,10	X.HAN-GCAL4	7,8,9,10	X.HAN-GCAL4					CDCQ 47
90	3CK229 CD	4	Hàn điện hồ quang tay cơ bản(122)_01	10	18	TH	Ngô Ngọc Sơn	05/09-16/10/22	5	7,8,9,10	X.HAN-GCAL2	7,8,9,10	X.HAN-GCAL2	7,8,9,10	X.HAN-GCAL2	7,8,9,10	X.HAN-GCAL2	7,8,9,10	X.HAN-GCAL2					CDCQ 47
91	3CK232 CD	2	Hàn điện hồ quang tay nâng cao(122)_01_TH	20	10	TH	Phạm Thanh Phú	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2					CDCQ 46
92	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(122)_01	10	10	TH	Kiều Anh Dũng	17/10-06/11/22	3	8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	8,9,10,11	X.HAN-GCAL1					CDCQ 47
93	3CK237 CD	2	Hàn MAG nâng cao(122)_01_TH	20	11	TH	Cao Xuân Lại	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2					CDCQ 46
94	3CK233 CD	2	Hàn ống(122)_01_TH	20	23	TH	Kiều Anh Dũng	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2	1,2,3,4	X.HAN-GCAL2					CDCQ 46
95	3CK231 CD	2	Hàn TIG Cơ bản(122)_01	10	17	TH	Phạm Thanh Phú	15/08-21/08/22	1	7,8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	7,8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	7,8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	7,8,9,10,11	X.HAN-GCAL1	7,8,9,10,11	X.HAN-GCAL1					CDCQ 47
96	3CK238 CD	2	Hàn TIG nâng cao(122)_01_TH	20	14	TH	Phạm Thanh Phú	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1					CDCQ 46
97	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng mối hàn(122)_01_TH	20	25	TH	Ngô Ngọc Sơn	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1	1,2,3,4	X.HAN-GCAL1					CDCQ 46
98	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(122)_01	35	30	LT	Lưu Thủy Chung	05/09-25/12/22	16			1,2	A2.310											CDCQ 47
99	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(122)_02	35	39	LT	Lưu Thủy Chung	05/09-25/12/22	16	3,4	A2.205													CDCQ 47
100	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_10_TH	20	19	TH	Nguyễn Chương Đạo	28/11-25/12/22	4	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC					CDCQ 46
14	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(122)_01_TH	20	23	TH	Trương NguyễnHiển	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2					CDCQ 46
101	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(122)_01_TH	20	22	TH	Trương NguyễnHiển	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2	1,2,3,4	X.PHA Y2					CDCQ 46
102	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(122)_01_TH	17	19	TH	Trương NguyễnHiển	17/10-06/11/22	3	7,8,9,10	X.PHA Y1	7,8,9,10	X.PHA Y1	7,8,9,10	X.PHA Y1	7,8,9,10	X.PHA Y1	7,8,9,10	X.PHA Y1					CDCQ 47
103	3CK204 CD	2	Tiện lỗ, tiện côn(122)_01_TH	17	18	TH	Đậu Tấn Cương	28/11-18/12/22	3	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1					CDCQ 47
104	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(122)_06_TH	20	21	TH	Trần Văn Giang	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1					CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
105	3CK208 CD	2	Tiền ren vuông, ren thang(122)_01_TH	20	21	TH	Trần Văn Giang	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1					CDCQ 46
106	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(122)_01	45	45	LT	Lương Văn Chiến	05/09-25/12/22	16											1,2	A2.206			CDCQ 47
107	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(122)_02	42	27	LT	Lương Văn Chiến	05/09-25/12/22	16											7,8	A2.309			CDCQ 47
108	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_1	60	56	LT	Nguyễn Công Thắng	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)					CDCQ 46
109	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_2	60	66	LT	Nguyễn Công Thắng	12/12-01/01/23	3	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)					CDCQ 46
110	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_3	55	60	LT	Phan Văn Thám	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)					CDCQ 47
111	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_4	55	58	LT	Hoàng Công Minh	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)					CDCQ 47
112	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_5	55	60	LT	Nguyễn Công Thắng	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10,11	A2.409 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.409 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.409 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.409 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.409 (QPMC)					CDCQ 47
113	4TQ001 DC	5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh(122)_6	55	60	LT	Phan Văn Thám	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)					CDCQ 47
114	3DC008 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(122)_01	32	21	LT	Lê Thị Ngọc Linh	15/08-04/12/22	16							3,4	A2.306							DHCQ 16
115	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_01	55	53	LT	Lê ThịHuệ	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.107													DHCQ 16
116	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_02	50	49	LT	Lê ThịHuệ	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.106											DHCQ 16
117	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_03	60	59	LT	Lê ThịHuệ	15/08-04/12/22	16					9,10	A2.203									DHCQ 16
118	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_04	60	60	LT	Lê Hồng Sơn	15/08-04/12/22	16					9,10	A2.204									DHCQ 16
119	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_05	50	51	LT	Lê ThịHuệ	15/08-04/12/22	16									9,10	A2.304					DHCQ 16
120	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_06	60	49	LT	Lê Hồng Sơn	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.304													DHCQ 16
121	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_07	53	50	LT	Lê Hồng Sơn	15/08-04/12/22	16									3,4	A2.309					DHCQ 16
122	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(122)_08	45	43	LT	Ngô Tất Hoat	15/08-04/12/22	16									7,8	A2.309					DHCQ 16
123	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_01	50	36	LT	Bùi Thị Xuân Linh	15/08-04/12/22	16									3,4	A2.207 (TA1)					DHCQ 15
124	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_01 TH	50	33	TH	Nguyễn Thị Lan Phương	15/08-04/12/22	16							3,4	A2.207 (TA1)							DHCQ 15
125	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_02	50	39	LT	Bùi Thị Xuân Linh	15/08-04/12/22	16									1,2	A2.207 (TA1)					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
126	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_03	40	40	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.207 (TA1)											DHCQ 15
127	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_04	41	41	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16	9,10	A2.207 (TA1)													DHCQ 15
128	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_05	50	48	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.207 (TA1)											DHCQ 15
129	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_06	50	25	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.207 (TA1)							DHCQ 15
130	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_07	42	45	LT	Bùi Thị Xuân Linh	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.308 (TA3)									DHCQ 15
131	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_08	42	43	LT	Bùi Thị Xuân Linh	15/08-04/12/22	16					3,4	A2.307 (TA4)									DHCQ 15
132	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_09	41	42	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16					7,8	A2.308 (TA3)									DHCQ 15
133	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_10	42	37	LT	Phạm Thị Hải Yến	15/08-04/12/22	16								3,4	A2.308 (TA3)						DHCQ 15
134	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(122)_11	41	41	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16					9,10	A2.207 (TA1)									DHCQ 15
135	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_01	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.308 (TA3)							DHCQ 15
136	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_02	50	46	LT	Trần Khắc Hoàn	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.308 (TA3)						DHCQ 15
137	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_03	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	26/09-15/01/23	16								3,4	A2.307 (TA4)						DHCQ 15
138	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_04	50	50	LT	Bùi Thị Xuân Linh	26/09-15/01/23	16							7,8	A2.208 (TA2)							DHCQ 15
139	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_05	50	50	LT	Bùi Thị Xuân Linh	26/09-15/01/23	16							9,10	A2.207 (TA1)							DHCQ 15
140	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_06	44	40	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	15/08-11/12/22	17								1,2	A2.308 (TA3)						DHCQ 15
141	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_07	48	50	LT	Lê Minh Sao	26/09-15/01/23	16			9,10	A2.308 (TA3)											DHCQ 15
142	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(122)_09	49	49	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	26/09-15/01/23	16					7,8	A2.208 (TA2)									DHCQ 15
143	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 01	50	50	LT	Đinh Thị Thu	15/08-04/12/22	16							3,4,5	A2.208 (TA2)							DHCQ 16
144	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 02	45	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15/08-04/12/22	16	9,10,11	A2.208 (TA2)													DHCQ 16
145	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 03	50	50	LT	Đinh Thị Thu	15/08-04/12/22	16			3,4,5	A2.207 (TA1)											DHCQ 16
146	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 04 11B	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15/08-04/12/22	16					3,4,5	A2.208 (TA2)									DHCQ 16
147	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 05	36	50	LT	Đinh Thị Thu	15/08-04/12/22	16	7,8,9	A2.307 (TA4)													DHCQ 16
148	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 06	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15/08-04/12/22	16			3,4,5	A2.208 (TA2)											DHCQ 16
149	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 07	50	50	LT	Lê Thị Thúy	15/08-04/12/22	16									1,2,3	A2.208 (TA2)					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
150	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 08	50	49	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15/08-04/12/22	16									7,8,9	A2.208 (TA2)					DHCQ 16
151	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 10	50	41	LT	Đinh Thị Thu	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A2.307 (TA4)									DHCQ 16
152	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(122) 11	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	15/08-04/12/22	16					9,10,11	A2.208 (TA2)									DHCQ 16
153	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 01	50	48	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	15/08-04/12/22	16	3,4,5	A2.208 (TA2)													DHCQ 16
154	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 02	50	46	LT	Trần Khắc Hoàn	15/08-04/12/22	16	3,4,5	A2.307 (TA4)													DHCQ 16
155	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 03	50	50	LT	Phạm Thị Hải Yến	15/08-04/12/22	16							9,10,11	A2.308 (TA3)							DHCQ 16
156	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 04	50	44	LT	Phạm Thị Hải Yến	15/08-04/12/22	16					1,2,3	A2.207 (TA1)									DHCQ 16
157	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 04 100	40	47	LT	Trần Khắc Hoàn	15/08-04/12/22	16							9,10,11	A2.307 (TA4)							DHCQ 16
158	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 05	50	48	LT	Trần Khắc Hoàn	15/08-04/12/22	16	9,10,11	A2.308 (TA3)													DHCQ 16
159	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 06 102	40	41	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15/08-04/12/22	16							1,2,3	A2.407 (TA5)							DHCQ 16
160	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 07	40	42	LT	Phạm Thị Hải Yến	15/08-04/12/22	16							1,2,3	A2.307 (TA4)							DHCQ 16
161	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(122) 08	40	47	LT	Hồ Thị Thanh Vân	15/08-04/12/22	16							9,10,11	A2.208 (TA2)							DHCQ 16
162	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 01	55	49	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16									3,4	A2.106					DHCQ 16
163	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 02	50	52	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.106							DHCQ 16
164	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 03	53	43	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16			3,4	A2.309											DHCQ 16
165	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 03 110	60	59	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16	9,10	A2.106													DHCQ 16
166	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 04	60	61	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.310											DHCQ 16
167	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 05	50	50	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.209											DHCQ 16
168	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 06	60	40	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16					3,4	A2.304									DHCQ 16
169	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 07	45	42	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16							9,10	A2.309							DHCQ 16
170	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 08	55	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.203									DHCQ 16
171	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 09 1DF	55	54	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.101							DHCQ 16
172	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 10	36	48	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.108							DHCQ 16
173	3ML00 5DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 11	55	55	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16							3,4	A2.101							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
174	3ML005DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 12	55	50	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16					3,4	A2.101									DHCQ 16
175	3ML005DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 13	55	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.108											DHCQ 16
176	3ML005DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 15	55	44	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16								9,10	A2.203						DHCQ 16
177	3ML005DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(122) 16	55	51	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	15/08-04/12/22	16					7,8	A2.204									DHCQ 16
178	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 01	50	52	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.106													DHCQ 15
179	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 02	50	29	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.107						DHCQ 15
180	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 03	50	31	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.108											DHCQ 15
181	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 04	55	55	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.203													DHCQ 15
182	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 05	55	55	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16								9,10	A2.101						DHCQ 15
183	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 06	50	49	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16						7,8	A2.106								DHCQ 15
184	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 07	50	52	LT	Mai Thị Thanh Châu	15/08-04/12/22	16						9,10	A2.107								DHCQ 15
185	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 08	56	56	LT	Mai Thị Thanh Châu	26/09-15/01/23	16					1,2	A2.103									DHCQ 15
186	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 09	50	40	LT	Mai Thị Thanh Châu	26/09-15/01/23	16	7,8	A2.103													DHCQ 15
187	3ML006DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(122) 10	50	52	LT	Mai Thị Thanh Châu	26/09-15/01/23	16								7,8	A2.104						DHCQ 15
188	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 01	64	42	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.210													DHCQ 15
189	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 02	63	59	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.209						DHCQ 15
190	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 03	63	53	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.203						DHCQ 15
191	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 04	60	30	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	26/09-15/01/23	16					3,4	A2.104									DHCQ 15
192	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 05	60	32	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	26/09-15/01/23	16							7,8	A2.105							DHCQ 15
193	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 06	50	47	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16			4,5	A2.301											DHCQ 16
194	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 07	52	42	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.301													DHCQ 16
195	2ML002DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(122) 08	53	35	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.306													DHCQ 16
196	3ML002DC	2	Văn hóa Việt Nam(122)_1	25	20	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	15/08-04/12/22	16										2,3	A2.312				DHCQ 15
197	1SP041DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 01	42	43	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.205											DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
198	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 02	42	39	LT	Lê Trọng Phong	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.205							DHCQ 15
199	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 03	50	39	LT	Phan Cẩm Tú	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.106						DHCQ 15
200	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 04	50	34	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/08-04/12/22	16			3,4	A2.107											DHCQ 15
201	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 05	50	41	LT	Phan Thị Tâm	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.108													DHCQ 15
202	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 06	55	52	LT	Phan Cẩm Tú	15/08-04/12/22	16								3,4	A2.203						DHCQ 15
203	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 07	55	54	LT	Võ An Hải	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.101						DHCQ 15
204	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 08	50	50	LT	Võ An Hải	15/08-04/12/22	16								9,10	A2.106						DHCQ 15
205	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 09	50	29	LT	Phan Thị Tâm	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.107											DHCQ 15
206	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(122) 10	36	44	LT	Lê Trọng Phong	15/08-04/12/22	16							9,10	A2.204							DHCQ 16
207	3SP002 DC	2	Tiếng Việt nâng cao 2(122) 1	25	27	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/08-04/12/22	16										4,5	A2.303 (SP)				DHCQ 16
208	3KT202 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 2(122) 01	11	7	BTL	Chu Thị Cẩm Hà	15/08-04/12/22	16					12	A2.206									DHCQ 15
209	3KT208 DH	1	Bài tập lớn Quản trị tác nghiệp(122) 01 BT	15	15	BT	Nguyễn Thị KimOanh	15/08-04/12/22	16	12	A2.205													DHCQ 15
210	3KT146 DH	2	Hành vi tổ chức(122)_01	17	13	LT	Nguyễn Thị Trâm	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.411													DHCQ 15
211	3KT226 CD	2	Kế toán máy(122)_01	8	7	LT	Trần Minh Đức	15/08-04/12/22	16					7,8	A3.506									DHCQ 15
212	3KT216 CD	3	Kế toán tài chính 2(122)_01	11	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	15/08-04/12/22	16							7,8,9	A2.306							DHCQ 15
213	3KT108 DH	3	Kiểm toán căn bản(122)_01	11	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	15/08-04/12/22	16					9,10,11	A2.206									DHCQ 15
214	3KT102 DH	2	Kinh tế quốc tế(122)_01	21	17	LT	Nguyễn Thị Thơ	15/08-04/12/22	16							5,6	A2.210							DHCQ 16
215	3KT101 DH	2	Kinh tế vĩ mô(122)_01	21	17	LT	Nguyễn Thị Thơ	15/08-04/12/22	16							3,4	A2.210							DHCQ 16
216	3KT126 DH	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ(122) 01	15	11	LT	Nguyễn Thị MaiHương	15/08-04/12/22	16								1,2,3	A2.301						DHCQ 16
217	3KT103 CD	2	Marketing căn bản(122)_01	15	12	LT	Nguyễn Thị MaiHương	15/08-04/12/22	16								4,5	A2.301						DHCQ 16
218	3KT113 CD	3	Nguyên lý kế toán(122)_01	6	5	LT	Chu Thị Cẩm Hà	15/08-04/12/22	16								1,2,3	A2.205						DHCQ 16
219	3KT108 CD	2	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh(122) 01	15	13	LT	Nguyễn Thị KimOanh	15/08-04/12/22	16					4,5	A2.210									DHCQ 16
220	3KT158 DC	3	Quản trị chiến lược(122)_01	17	12	LT	Nguyễn Thị KimOanh	15/08-04/12/22	16					9,10,11	A2.306									DHCQ 15
221	3KT135 DH	3	Quản trị công nghệ(122)_01	17	13	LT	Nguyễn Thị KimOanh	15/08-04/12/22	16							9,10,11	A2.405							DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
222	3KT209 CD	3	Quản trị nhân lực(122)_01	17	14	LT	Nguyễn Thị Trâm	15/08-04/12/22	16									7,8,9	A2.411					DHCQ 15
223	3KT137 DH	3	Quản trị tác nghiệp(122)_01	17	12	LT	Nguyễn Thị KimOanh	15/08-04/12/22	16			9,10,11	A2.405											DHCQ 15
224	3KT117 CD	2	Tài chính doanh nghiệp(122)_01	6	5	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	15/08-04/12/22	16					4,5	A2.205									DHCQ 16
225	3KT109 DH	3	Thông kê doanh nghiệp(122)_01	11	8	LT	Nguyễn Thị MaiHương	15/08-04/12/22	16	9,10,11	A2.306													DHCQ 15
226	3KT203 DH	9	Thực tập nghề nghiệp(122)_01_TH/DHKT OCK14A1	10	12	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2					DHCQ 14
										1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2					DHCQ 14
227	3KT215 DH	9	Thực tập nghề nghiệp(122)_01_TH/DHQT NCK14Z	4	2	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1					DHCQ 14
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1					DHCQ 14
228	3KT209 DH	9	Thực tập nghề nghiệp(122)_01_TH/DHQT KCK14A1	5	6	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2					DHCQ 14
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2					DHCQ 14
229	3KT204 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHKT OCK14A1	10	12	TH		24/10-25/12/22	9	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2	1,2,3,4	Thực tập TN(KT O)2					DHCQ 14
										8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(KT O)2					DHCQ 14
230	3KT210 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHQT KCK14A1	5	6	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)2					DHCQ 14
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)2					DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
231	3KT216 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHQT NCK14Z	4	2	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(QT K)1					DHCQ 14
										1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1	1,2,3,4	Thực tập TN(QT K)1					DHCQ 14
232	3KT104 DH	2	Thuế(122)_01	6	5	LT	Chu Thị Cẩm Hà	15/08-04/12/22	16									4,5	A2.205					DHCQ 16
233	3KT110 DH	3	Tin học ứng dụng trong kinh tế(122)_01	12	8	LT	Nguyễn Thị Thơ	15/08-04/12/22	16			9,10,11	A3.506											DHCQ 15
234	3KT111 CD	2	Văn hóa kinh doanh(122)_01	21	17	LT	Nguyễn Thị Trâm	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.411													DHCQ 16
235	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(122)_01	50	55	LT	Hồ Ngọc Vinh	15/08-27/11/22	15					4,5	A3.302									DHCQ 16
236	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(122)_02	50	44	LT	Hồ Ngọc Vinh	15/08-04/12/22	16	9,10	A3.302													DHCQ 16
237	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(122)_01	50	54	LT	Vũ Thị Thu Hiền	15/08-27/11/22	15							3,4	A3.302							DHCQ 16
238	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(122)_02	50	44	LT	Vũ Thị Thu Hiền	15/08-04/12/22	16					10,11	A3.302									DHCQ 16
239	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(122)_01	50	53	LT	Trần Thị Gia	15/08-27/11/22	15							1,2	A3.302							DHCQ 16
240	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(122)_02	50	46	LT	Phạm Thị Đào	15/08-04/12/22	16							7,8	A3.302							DHCQ 16
241	3TN118 DH	3	Khai phá dữ liệu(122)_01	42	35	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	15/08-04/12/22	16					1,2,3	A3.301									DHCQ 15
242	3TN118 DH	3	Khai phá dữ liệu(122)_02	42	40	LT	Trần Thị Gia	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A3.301									DHCQ 15
243	3TN133 DH	2	Kỹ thuật ghép nối máy tính(122)_01	24	24	LT	Vũ Thị Thu Hiền	26/09-07/01/23	15							9,10,11	A2.206							DHCQ 15
244	3TN231 DH	2	Kỹ thuật mạng(122)_01_TH	25	24	TH	Lê Văn Vinh	21/11-11/12/22	3	1,2,3,4	A3.304	1,2,3,4	A3.304	1,2,3,4	A3.304	1,2,3,4	A3.304	1,2,3,4	A3.304					DHCQ 15
245	3TN105 DH	3	Lập trình .NET(122)_01	50	48	LT	Phạm T.Thanh Bình	15/08-04/12/22	16					1,2,3	A3.302									DHCQ 16
246	3TN105 DH	3	Lập trình .NET(122)_02	50	42	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A3.302									DHCQ 16
247	3TN113 DH	2	Lập trình Java nâng cao(122)_01	50	46	LT	Võ Thị Kim Hoa	15/08-27/11/22	15	1,2	A3.302													DHCQ 16
248	3TN113 DH	2	Lập trình Java nâng cao(122)_02	50	44	LT	Võ Thị Kim Hoa	15/08-04/12/22	16			10,11	A3.302											DHCQ 16
249	2TN033 DH	2	Lập trình Song song(122)_01	42	43	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	15/08-04/12/22	16			7,8	A3.301											DHCQ 15
250	2TN033 DH	2	Lập trình Song song(122)_01 TH	42	33	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	15/08-04/12/22	16	1,2	A3.301													DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
251	3TN106 DH	3	Lập trình Web(122)_01	50	52	LT		15/08-04/12/22	16			1,2,3	A3.302											DHCQ 16
252	3TN106 DH	3	Lập trình Web(122)_02	50	48	LT	Phạm Thị Đào	15/08-04/12/22	16			7,8,9	A3.302											DHCQ 16
253	2TN010 DC	2	Mạng máy tính(122)_01	40	33	LT	Phạm Thị Đào	26/09-08/01/23	15								7,8	A2.205						DHCQ 15
254	3TN112 DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở(122)_01	42	40	LT	Lê Thanh Tươi	15/08-04/12/22	16										2,3,4	A2.106				DHCQ 15
255	3TN112 DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở(122)_02	42	44	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	15/08-04/12/22	16	7,8,9	A3.301	7,8,9	A3.301	7,8,9	A3.301	7,8,9	A3.301	7,8,9	A3.301					DHCQ 15
256	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(122)_01_TH	20	22	TH	Trần Bình Giang	26/09-23/10/22	4	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306					DHCQ 15
							Trần Bình Giang	24/10-30/10/22	1	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8	A3.306									DHCQ 15
257	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(122)_02_TH	20	12	TH	Võ Thị Kim Hoa	15/08-11/09/22	4	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306					DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa	12/09-18/09/22	1	7,8,9,10	A3.306	7,8,9,10	A3.306	7,8	A3.306									DHCQ 15
258	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(122)_03_TH	21	20	TH	Vũ Thị Thu Hiền	15/08-11/09/22	4	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306					DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền	12/09-18/09/22	1	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2	A3.306									DHCQ 15
259	3TN204 CD	3	Phát triển ứng dụng di động(122)_04_TH	21	23	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	03/10-30/10/22	4			1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306			DHCQ 15
								31/10-06/11/22	1	1,2,3,4	A3.306	1,2,3,4	A3.306	1,2	A3.306									DHCQ 15
260	3TN138 DH	2	Phát triển ứng dụng IOT(122)_01	37	35	LT		26/09-08/01/23	15			7,8	A2.206											DHCQ 15
261	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(122)_01_TH	21	18	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504					DHCQ 15
262	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(122)_02_TH	21	21	TH	Phạm Thị Đào	15/08-25/09/22	6	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504	7,8,9,10	A3.504					DHCQ 15
263	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(122)_03_TH	21	21	TH	Phạm T.Thanh Bình	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504					DHCQ 15
264	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(122)_04_TH	21	18	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504	1,2,3,4	A3.504					DHCQ 15
265	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(122)_01_TH	25	24	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	07/11-27/11/22	3	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402					DHCQ 16
266	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(122)_02_TH	25	21	TH	Trần Thị Gia	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402	7,8,9,10	A3.402					DHCQ 16
267	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(122)_03_TH	25	18	TH		17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402					DHCQ 16
268	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(122)_04_TH	25	22	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	07/11-27/11/22	3			1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402	1,2,3,4	A3.402			DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
269	3TN207 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH/DHCT TCK14A1	60	44	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)					DHCQ 14
270	4TN207 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_1	10	7	LT		15/08-23/10/22	10	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2					DHCQ 16
271	3TN208 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHCT TCK14A1	60	44	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)	8,9,10, 11	Thực tập.TN(CNTT)					DHCQ 14
272	4TN208 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(122)_1	10	14	LT		24/10-01/01/23	10	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2	8,9,10, 11	TTTN2					DHCQ 16
273	4TN210 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(122)_3	10	7	LT		15/08-27/11/22	15									6						DHCQ 16
274	3TN137 DH	2	Xử lý ảnh số(122)_01	25	24	LT		26/09-08/01/23	15	7,8	A2.206													DHCQ 15
275	3DT130 DH	2	Cơ sở lý thuyết truyền tin(122)_01	20	13	LT	Trần Thị Thương	15/08-04/12/22	16									4,5	A2.405					DHCQ 16
276	3DT105 DH	2	Điện tử thông tin(122)_01	12	10	LT		15/08-04/12/22	16									4,5	A2.306					DHCQ 16
277	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_01	55	47	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16							4,5	A2.309							DHCQ 16
278	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_02	50	42	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16									4,5	A2.310					DHCQ 16
279	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_03 1C7	60	53	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16					7,8	A2.101									DHCQ 16
280	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_04	60	59	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.310											DHCQ 16
281	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_05	50	50	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.304							DHCQ 16
282	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(122)_06	60	60	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.304									DHCQ 16
283	3DT108 DH	1	Đồ án Vi điều khiển(122)_01 DA	12	13	DA		15/08-04/12/22	16	6	A2.306													DHCQ 16
284	3DT108 DH	1	Đồ án Vi điều khiển(122)_02 DA	22	15	DA		15/08-04/12/22	16			6												DHCQ 16
285	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(122)_01	53	50	LT	Trần Thị Thương	15/08-04/12/22	16									1,2	A2.309					DHCQ 16
286	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(122)_02	45	34	LT		15/08-04/12/22	16	7,8	A2.310													DHCQ 16
287	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(122)_03	36	46	LT	Nguyễn Văn Thịnh	15/08-04/12/22	16									9,10	A2.210					DHCQ 16
288	3DT112 DH	2	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng(122)_01	32	24	LT	Trần Thị Thương	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.306							DHCQ 16
289	3DT230 DH	2	Kỹ thuật truyền tin(122)_01_TH	21	13	TH	Lê VănBiên	26/09-16/10/22	3	8,9,10, 11	A4.208	8,9,10, 11	A4.208	8,9,10, 11	A4.208	8,9,10, 11	A4.208	8,9,10, 11	A4.208					DHCQ 16
290	3DT209 CD	2	Lắp mạch điện tử công suất(122)_01_TH	18	10	TH	Lê TiếnHiếu	17/10-06/11/22	3	8,9,10, 11	A4.209	8,9,10, 11	A4.209	8,9,10, 11	A4.209	8,9,10, 11	A4.209	8,9,10, 11	A4.209					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
291	3DT210 DH	2	Lập trình ASIC(122) 01 TH	24	24	TH	Lê TiếnHiếu	10/10-30/10/22	3	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209					DHCQ 15
292	3DT210 DH	2	Lập trình ASIC(122) 02 TH	20	11	TH	Lê TiếnHiếu	26/09-09/10/22	2	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209					DHCQ 15
293	3DT231 DH	2	Lập trình DSP(122)_01_TH	24	24	TH	Bùi Xuân Vinh	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207					DHCQ 15
294	3DT206 CD	2	Lập trình vi điều khiển cơ bản.(122) 01 TH	18	13	TH	Nguyễn Minh Quân	05/09-25/09/22	3	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307					DHCQ 16
295	3DT206 CD	2	Lập trình vi điều khiển cơ bản.(122) 02 TH	18	10	TH	Nguyễn Minh Quân	07/11-27/11/22	3	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307	8,9,10, 11	A4.307					DHCQ 16
296	3DT207 CD	2	Lập trình vi điều khiển ứng dụng(122) 01 TH	12	11	TH	Lê TiếnHiếu	31/10-20/11/22	3	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209	1,2,3,4	A4.209					DHCQ 15
297	3DT114 DH	2	Thông tin quang(122)_01	12	11	LT		26/09-08/01/23	15									7,8	A2.206					DHCQ 15
298	3DT121 DH	2	Thông tin số(122)_01	15	11	LT	Trần Thị Thương	26/09-08/01/23	15							7,8	A2.206							DHCQ 15
299	3DT119 DH	2	Thông tin vô tuyến(122)_01	15	11	LT		26/09-08/01/23	15	7,8	A2.306													DHCQ 15
300	3DT106 DH	3	Vi điều khiển(122)_01	32	24	LT		15/08-04/12/22	16									1,2,3	A2.405					DHCQ 16
301	3DT111 DH	2	Xử lý số tín hiệu(122)_01	32	23	LT	Lê Thị Ngọc Hà	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.306													DHCQ 16
302	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(122) 01	56	45	LT	Nguyễn Minh Thư	26/09-15/01/23	16							3,4	A2.103							DHCQ 15
303	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(122) 02	50	51	LT	Nguyễn Minh Thư	26/09-15/01/23	16					7,8	A2.103									DHCQ 15
304	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(122) 03	50	42	LT	Nguyễn Minh Thư	26/09-15/01/23	16			7,8	A2.104											DHCQ 15
305	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(122) 04	60	63	LT	Nguyễn Minh Thư	26/09-15/01/23	16			3,4	A2.104											DHCQ 15
306	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(122) 05	60	55	LT	Nguyễn Minh Thư	26/09-15/01/23	16	7,8	A2.105													DHCQ 15
307	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(122)_01	60	52	LT	Đặng Quang Khoa	26/09-15/01/23	16							3,4	A2.104							DHCQ 15
308	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(122)_02	60	59	LT	Võ Tiến Trung	26/09-15/01/23	16									7,8	A2.105					DHCQ 15
309	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(122) 01	60	52	LT	Bùi ThanhHòa	26/09-15/01/23	16			1,2	A2.104											DHCQ 15
310	3DN123 DH	2	Điều khiển quá trình(122) 02	60	60	LT	Bùi ThanhHòa	26/09-15/01/23	16			7,8	A2.105											DHCQ 15
311	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(122) 01 DA	56	54	DA		26/09-15/01/23	16	6	A2.103													DHCQ 15
312	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(122) 02 DA	50	52	DA		26/09-15/01/23	16	12	A2.103													DHCQ 15
313	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(122) 03 DA	50	53	DA		26/09-15/01/23	16	12	A2.104													DHCQ 15
314	3DN219 DH	1	Đồ án Nhà máy điện & Trạm biến áp(122) 1	30	5	LT		29/08-11/12/22	15			6	A2.101											DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
315	3DN221 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống truyền động điện(122) 01 DA	60	54	DA		26/09-15/01/23	16			6	A2.104											DHCQ 15
316	3DN221 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống truyền động điện(122) 02 DA	60	60	DA		26/09-15/01/23	16	12	A2.105													DHCQ 15
317	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(122)_1	10	4	LT		12/09-04/12/22	12									6						DHCQ 14
318	3DN126 DH	2	Hệ thống quản lý tòa nhà cao tầng (BMS)(122) 01	56	65	LT	Trần Duy Trinh	26/09-15/01/23	16			1,2	A2.103											DHCQ 15
319	3DN126 DH	2	Hệ thống quản lý tòa nhà cao tầng (BMS)(122) 02	50	51	LT	Trần Duy Trinh	26/09-15/01/23	16									7,8	A2.103					DHCQ 15
320	3DN126 DH	2	Hệ thống quản lý tòa nhà cao tầng (BMS)(122) 03	50	56	LT	Trần Duy Trinh	26/09-15/01/23	16					7,8	A2.104									DHCQ 15
321	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 01 TH	22	23	TH	Nguyễn VănĐộ	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111					DHCQ 15
322	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 02 TH	22	24	TH	Nguyễn VănĐộ	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111					DHCQ 15
323	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 03 TH	22	24	TH	Nguyễn VănĐộ	28/11-18/12/22	3	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111	7,8,9,1 0	A3-111					DHCQ 15
324	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 04 TH	19	21	TH	Phạm VănTuấn	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111					DHCQ 15
325	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 05 TH	19	21	TH	Phạm VănTuấn	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111					DHCQ 15
326	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 06 TH	19	20	TH	Phạm VănTuấn	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111					DHCQ 15
327	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 07 TH	19	21	TH	Phạm VănTuấn	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111					DHCQ 15
328	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(122) 08 TH	19	17	TH	Phạm VănTuấn	19/12-08/01/23	3	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111	1,2,3,4	A3-111					DHCQ 15
329	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 01 TH	22	23	TH	Võ Tiến Dũng	07/11-27/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109					DHCQ 15
330	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 02 TH	22	22	TH	Võ Tiến Dũng	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109					DHCQ 15
331	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 03 TH	22	23	TH	Võ Tiến Dũng	19/12-08/01/23	3	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109	7,8,9,1 0	A3-109					DHCQ 15
332	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 04 TH	19	21	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109					DHCQ 15
333	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 05 TH	19	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109					DHCQ 15
334	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 06 TH	19	21	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109					DHCQ 15
335	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 07 TH	19	21	TH	Võ Tiến Dũng	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109					DHCQ 15
336	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(122) 08 TH	19	18	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	19/12-08/01/23	3	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109	1,2,3,4	A3-109					DHCQ 15
337	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	22	12	TH	Lê TiếnHiếu	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A4-209	7,8,9,1 0	A4-209	7,8,9,1 0	A4-209	7,8,9,1 0	A4-209	7,8,9,1 0	A4-209					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
338	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	22	21	TH	Lê TiếnHiếu	28/11-18/12/22	3	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209					DHCQ 15
339	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	22	21	TH	Lê TiếnHiếu	19/12-08/01/23	3	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209	7,8,9,10	A4-209					DHCQ 15
340	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	19	23	TH	Nguyễn Đăng Thông	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306					DHCQ 15
341	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	19	21	TH	Nguyễn Đăng Thông	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306					DHCQ 15
342	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	19	18	TH	Nguyễn Đăng Thông	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306					DHCQ 15
343	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện	19	19	TH	Nguyễn Đăng Thông	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306	1,2,3,4	A4-306					DHCQ 15
344	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	22	TH	Hà Quốc Tuấn	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102					DHCQ 16
345	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	21	TH	Hà Quốc Tuấn	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102	7,8,9,10	A4-102					DHCQ 16
346	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	17/10-06/11/22	3	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102					DHCQ 16
347	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	18	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	07/11-27/11/22	3	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102	8,9,10,11	A4-102					DHCQ 16
348	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	21	TH	Bùi ThanhHòa	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103					DHCQ 16
349	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	20	TH	Bùi ThanhHòa	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103					DHCQ 16
350	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	21	TH	Bùi ThanhHòa	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103					DHCQ 16
351	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	22	TH		17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102					DHCQ 16
352	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	22	TH		07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102					DHCQ 16
353	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	22	TH	Bùi ThanhHòa	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103					DHCQ 16
354	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	21	TH	Bùi ThanhHòa	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103	1,2,3,4	A4-103					DHCQ 16
355	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	22	23	TH		26/09-16/10/22	3	13,14,15,16	A4-103	13,14,15,16	A4-103	13,14,15,16	A4-103	13,14,15,16	A4-103	13,14,15,16	A4-103					DHCQ 16
356	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	20	TH	Nguyễn Thanh Long	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103					DHCQ 16
357	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	21	TH	Nguyễn Thanh Long	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103					DHCQ 16
358	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ	20	22	TH	Nguyễn Thanh Long	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103	7,8,9,10	A4-103					DHCQ 16
359	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(122) 01 TH	22	23	TH	Bùi Xuân Vinh	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207					DHCQ 16
360	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(122)_02_TH	22	23	TH	Bùi Xuân Vinh	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
361	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 03 TH	22	23	TH	Bùi Xuân Vinh	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208					DHCQ 16
362	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 04 TH	22	19	TH	Lê VănBiên	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208	1,2,3,4	A4.208					DHCQ 16
363	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 05 TH	22	18	TH	Lê VănBiên	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307					DHCQ 16
364	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 06 TH	20	15	TH	Bùi Xuân Vinh	05/09-25/09/22	3	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207					DHCQ 16
365	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 07 TH	20	19	TH	Bùi Xuân Vinh	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207					DHCQ 16
366	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(122) 08 TH	20	18	TH	Bùi Xuân Vinh	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207					DHCQ 16
367	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122) 01 TH	22	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	22/08-11/09/22	3	8,9,10, 11	A3-108	8,9,10, 11	A3-108	8,9,10, 11	A3-108	8,9,10, 11	A3-108	8,9,10, 11	A3-108					DHCQ 15
368	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122) 02 TH	22	16	TH	Nguyễn Anh Tuấn	19/09-09/10/22	3	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108					DHCQ 15
369	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122) 03 TH	22	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	24/10-13/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108	7,8,9,1 0	A3-108					DHCQ 15
370	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(122) 09 TH	20	25	TH	Ngô ThịLê	12/12-01/01/23	3	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108	1,2,3,4	A3-108					DHCQ 15
371	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 01 TH	20	20	TH	Bùi Trung Tuyển	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107					DHCQ 15
372	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 02 TH	20	19	TH	Bùi Trung Tuyển	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107					DHCQ 15
373	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 03 TH	20	21	TH	Bùi Trung Tuyển	07/11-27/11/22	3	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107	7,8,9,1 0	A3-107					DHCQ 15
374	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 04 TH	20	22	TH	Nguyễn Thanh Long	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107					DHCQ 15
375	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 05 TH	20	24	TH	Nguyễn Thanh Long	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107					DHCQ 15
376	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(122) 06 TH	20	20	TH	Nguyễn Thanh Long	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107	1,2,3,4	A3-107					DHCQ 15
377	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 01 TH	20	20	TH	Nguyễn Minh Quân	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307					DHCQ 15
378	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 02 TH	20	19	TH	Nguyễn Minh Quân	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307	7,8,9,1 0	A4.307					DHCQ 15
379	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 03 TH	20	17	TH	Bùi Xuân Vinh	07/11-27/11/22	3	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207	7,8,9,1 0	A4.207					DHCQ 15
380	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 04 TH	20	22	TH	Nguyễn Minh Quân	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307	1,2,3,4	A4.307					DHCQ 15
381	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 05 TH	20	20	TH	Bùi Xuân Vinh	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207					DHCQ 15
382	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(122) 06 TH	20	18	TH	Bùi Xuân Vinh	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207	1,2,3,4	A4.207					DHCQ 15
383	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập đại)(122) 01	55	49	LT	Nguyễn Anh Tuấn	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.108	3,4	A2.108	3,4	A2.108	3,4	A2.108	3,4	A2.108					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
384	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(122) 02	50	45	LT	Nguyễn Anh Tuấn	15/08-04/12/22	16			3,4	A2.203											DHCQ 16
385	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(122) 03	60	57	LT	Nguyễn Anh Tuấn	15/08-04/12/22	16											10,11	A2.204			DHCQ 16
386	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(122) 04	60	59	LT	Trần Thu Trà	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.210						DHCQ 16
387	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(122) 05	50	52	LT	Trần Thu Trà	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.304											DHCQ 16
388	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(122) 06	60	53	LT	Nguyễn Anh Tuấn	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.304											DHCQ 16
389	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(122)_01	60	58	LT	Phạm Văn Tuấn	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.209							DHCQ 16
390	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(122)_02	50	47	LT	Phạm Văn Tuấn	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.304						DHCQ 16
391	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(122)_03	60	53	LT		15/08-04/12/22	16			3,4	A2.304											DHCQ 16
392	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(122) 01	55	47	LT	Nguyễn Văn Độ	15/08-04/12/22	16					3,4,5	A2.107									DHCQ 16
393	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(122) 02	50	44	LT	Nguyễn Văn Độ	15/08-04/12/22	16								1,2,3	A2.310						DHCQ 16
394	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(122) 03	60	54	LT		15/08-04/12/22	16								7,8,9	A2.209						DHCQ 16
395	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 01 TH 138	22	22	TH		15/08-04/09/22	3	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102					DHCQ 16
396	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 02 TH 1F2	22	22	TH	Lê Tiến Hiếu	05/09-25/09/22	3	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102					DHCQ 16
397	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 03 TH 1F1	22	22	TH		26/09-16/10/22	3	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102					DHCQ 16
398	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 04 TH 1FA	22	23	TH	Lê Tiến Hiếu	17/10-06/11/22	3	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102					DHCQ 16
399	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 05 TH 1B7	22	21	TH	Lê Tiến Hiếu	07/11-27/11/22	3	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102	13,14,1 5,16	A4-102					DHCQ 16
400	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 06 TH	20	20	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102					DHCQ 16
401	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(122) 07 TH	20	19	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102	1,2,3,4	A4-102					DHCQ 16
402	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_01_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	26/09-16/10/22	3	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201					DHCQ 15
403	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_02_TH	20	22	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	17/10-06/11/22	3	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201					DHCQ 15
404	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_03_TH	20	17	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	07/11-27/11/22	3	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201	7,8,9,1 0	A4-201					DHCQ 15
405	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_04_TH	20	21	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
406	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_05_TH	20	23	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201					DHCQ 15
407	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(122)_06_TH	20	22	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201	1,2,3,4	A4-201					DHCQ 15
408	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	22	23	TH	Đào Thị Thu Hậu	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303					DHCQ 16
409	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	22	23	TH	Đào Thị Thu Hậu	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303					DHCQ 16
410	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	22	23	TH	Đào Thị Thu Hậu	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303					DHCQ 16
411	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	22	20	TH	Đào Thị Thu Hậu	07/11-27/11/22	3	8,9,10,11	A4-302	8,9,10,11	A4-302	8,9,10,11	A4-302	8,9,10,11	A4-302	8,9,10,11	A4-302					DHCQ 16
412	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	20	18	TH	Phan Sỹ Phương	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 16
413	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	20	20	TH	Phan Sỹ Phương	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 16
414	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng	20	17	TH	Phan Sỹ Phương	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 16
415	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 01_TH	22	21	TH	Phan Sỹ Phương	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 16
416	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 02_TH	22	18	TH	Phan Sỹ Phương	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 16
417	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 03_TH	22	22	TH	Đào Thị Thu Hậu	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303					DHCQ 16
418	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 04_TH	22	22	TH	Đào Thị Thu Hậu	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303					DHCQ 16
419	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 05_TH	22	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	26/09-16/10/22	3	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302					DHCQ 16
420	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122)_06_TH	20	19	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302					DHCQ 16
421	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 07_TH	20	18	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302					DHCQ 16
422	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(122) 08_TH	20	20	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	15/08-04/09/22	3	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302	13,14,15,16	A4-302					DHCQ 16
423	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	22	22	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302	7,8,9,10	A4-302					DHCQ 15
424	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	22	19	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	17/10-06/11/22	3	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303					DHCQ 15
425	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	22	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	07/11-27/11/22	3	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303	7,8,9,10	A4-303					DHCQ 15
426	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	18	19	TH	Đào Thị Thu Hậu	26/09-16/10/22	3	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303					DHCQ 15
427	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	18	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	17/10-06/11/22	3	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
428	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	18	22	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	07/11-27/11/22	3	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303	1,2,3,4	A4-303					DHCQ 15
429	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	19	19	TH	Phan Sỹ Phương	28/11-18/12/22	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 15
430	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một	19	19	TH	Phan Sỹ Phương	19/12-08/01/23	3	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302	1,2,3,4	A4-302					DHCQ 15
431	3DN127 DH	2	Thiết bị tự động và hệ thống điều khiển(122) 01	60	53	LT	Trần Duy Trinh	26/09-15/01/23	16	1,2	A2.104													DHCQ 15
432	3DN127 DH	2	Thiết bị tự động và hệ thống điều khiển(122) 02	60	60	LT	Trần Duy Trinh	26/09-15/01/23	16									9,10	A2.104					DHCQ 15
433	3DN235 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH/DHDD TCK14(HTD)	50	32	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1					DHCQ 14
434	3DN243 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH/DHTD HCK14A2	50	38	TH		22/08-23/10/22	9	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1	1,2,3,4	Thực tập TN(TD H)1					DHCQ 14
435	3DN235 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_02_TH/DHDD TCK14(DCN)	80	68	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2					DHCQ 14
436	3DN243 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_02_TH/DHTD HCK14A1	50	39	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2					DHCQ 14
437	4DN235 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_4	10	3	LT		22/08-30/10/22	10	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5					DHCQ 15
438	4DN243 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_5	10	2	LT		22/08-30/10/22	10	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4					DHCQ 15
439	3DN236 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHDD TCK14(HTD)	50	32	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)1					DHCQ 14
440	3DN244 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHTD HCK14A2	50	39	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)1					DHCQ 14
441	3DN236 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_02_TH/DHDD TCK14(DCN)	80	68	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)2					DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
442	3DN244 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_02_TH/DHTD HCK14A1	50	38	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)2					DHCQ 14
443	4DN236 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(122)_4	10	6	LT		31/10-08/01/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(TD H)4					DHCQ 15
444	4DN244 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(122)_5	10	2	LT		31/10-08/01/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5	8,9,10, 11	Thực tập TN(DD T)5					DHCQ 15
445	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(122)_01	56	63	LT		26/09-15/01/23	16	1,2	A2.103													DHCQ 15
446	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(122)_02	50	55	LT		26/09-15/01/23	16			7,8	A2.103											DHCQ 15
447	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(122)_03	50	52	LT		26/09-15/01/23	16	7,8	A2.104													DHCQ 15
448	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_01	55	49	LT	Đặng Quang Khoa	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.108						DHCQ 16
449	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_02	50	51	LT	Đặng Quang Khoa	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.204													DHCQ 16
450	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_03	60	61	LT		15/08-04/12/22	16	7,8	A2.210													DHCQ 16
451	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_04	60	60	LT	Dương Thị TuyếtMai	15/08-04/12/22	16								9,10	A2.310						DHCQ 16
452	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_05	50	43	LT	Dương Thị TuyếtMai	15/08-04/12/22	16							9,10	A2.304							DHCQ 16
453	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(122)_06	60	45	LT	Đặng Quang Khoa	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.304													DHCQ 16
454	3DL140 DH	2	An toàn và môi trường công nghiệp(122)_01	64	60	LT	Phạm Huy Bằng	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.210											DHCQ 15
455	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(122)_01_TH	17	15	TH	Trần Xuân Sơn	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C					DHCQ 16
456	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(122)_02_TH	17	14	TH	Nguyễn Văn Hiếu	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B					DHCQ 16
457	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(122)_01_TH	22	21	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	22/08-11/09/22	3	8,9,10, 11	X.SC.T BCK A	8,9,10, 11	X.SC.T BCK A	8,9,10, 11	X.SC.T BCK A	8,9,10, 11	X.SC.T BCK A	8,9,10, 11	X.SC.T BCK A					DHCQ 15
458	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(122)_02_TH	22	22	TH		19/09-09/10/22	3	7,8,9,10	X.SC.T BCK A	7,8,9,10	X.SC.T BCK A	7,8,9,10	X.SC.T BCK A	7,8,9,10	X.SC.T BCK A	7,8,9,10	X.SC.T BCK A					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
459	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(122)_03 TH	22	20	TH	Trần Xuân Sơn	21/11-11/12/22	3	8,9,10,11	X.SC.T BCK A	8,9,10,11	X.SC.T BCK A	8,9,10,11	X.SC.T BCK A	8,9,10,11	X.SC.T BCK A	8,9,10,11	X.SC.T BCK A					DHCQ 15
460	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_1	20	24	TH	Lê Văn Lương	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C					DHCQ 16
461	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_2	20	23	TH	Nguyễn Hữu Phúc	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B					DHCQ 16
462	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_4	20	23	TH	Đào TấtThắm	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
463	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_5	20	20	TH	Lê Văn Lương	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1C	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1C	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1C	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1C	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1C					DHCQ 16
464	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_6	20	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1A					DHCQ 16
465	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_7	20	20	TH	Phạm Văn Thành	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1C					DHCQ 16
466	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_8	20	20	TH	Đào TấtThắm	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
467	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_9	20	24	TH	Hoàng Văn Thụ	26/09-06/11/22	6	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
468	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_10	20	21	TH	Lê Văn Lương	15/08-25/09/22	6	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
469	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_11	20	20	TH	Lê Văn Lương	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A					DHCQ 16
470	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_12	20	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
471	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_13	20	21	TH	Trần Viết Phương	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B					DHCQ 16
472	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_14	20	21	TH	Đào TấtThắm	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
473	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_15	20	20	TH	Phạm Văn Thành	15/08-25/09/22	6	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1A	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16
474	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_16	20	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	15/08-25/09/22	6	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1B	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1B	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1B	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1B	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1B					DHCQ 16
475	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_17	20	20	TH	Hoàng Văn Thụ	15/08-25/09/22	6	7,8,9,1 0	X.CHA N DOAN A	7,8,9,1 0	X.CHA N DOAN A	7,8,9,1 0	X.CHA N DOAN A	7,8,9,1 0	X.CHA N DOAN A	7,8,9,1 0	X.CHA N DOAN A					DHCQ 16
476	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_18	20	21	TH	Đào TấtThắm	15/08-25/09/22	6	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1C	7,8,9,1 0	VH.ĐC DIEZE N-1C					DHCQ 16
477	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(122)_20	20	23	TH	Phạm Văn Thành	26/09-06/11/22	6	13,14,1 5,16	VH.ĐC DIEZE N-1B	13,14,1 5,16	VH.ĐC DIEZE N-1B	13,14,1 5,16	VH.ĐC DIEZE N-1B	13,14,1 5,16	VH.ĐC DIEZE N-1B	13,14,1 5,16	VH.ĐC DIEZE N-1B					DHCQ 16
478	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_1	18	17	TH	Phạm Văn Thành	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C					DHCQ 15
479	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_2	18	12	TH	Nguyễn Hữu Phúc	07/11-18/12/22	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A					DHCQ 15
480	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_3	18	19	TH	Dương Đình Vinh	15/08-25/09/22	6	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1C	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1C	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1C	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1C	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1C					DHCQ 15
481	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_4	18	19	TH	Lê Văn Lương	07/11-18/12/22	6	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1B	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1B	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1B	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1B	13,14,1 5,16	X.GA M OTO-1B					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
482	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_5	18	17	TH	Dương Đình Vinh	15/08-25/09/22	6	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C	7,8,9,10	X.GA M OTO-1C					DHCQ 15
483	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_6	18	18	TH	Lê Văn Lương	07/11-18/12/22	6	7,8,9,10	X.DON G CO-1C	7,8,9,10	X.DON G CO-1C	7,8,9,10	X.DON G CO-1C	7,8,9,10	X.DON G CO-1C	7,8,9,10	X.DON G CO-1C					DHCQ 15
484	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(122)_7	18	21	TH	Nguyễn Hữu Phúc	07/11-18/12/22	6	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A					DHCQ 15
485	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_2	18	18	TH	Trần Viết Phương	07/11-18/12/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B					DHCQ 15
486	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_3	18	21	TH	Lê Xuân Đồng	26/09-06/11/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B					DHCQ 15
487	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_4	18	17	TH	Lê Xuân Đồng	15/08-25/09/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B					DHCQ 15
488	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_5	18	22	TH	Lê Văn Thắng	07/11-18/12/22	6	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C					DHCQ 15
489	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_6	18	22	TH	Lê Xuân Đồng	15/08-24/09/22	6	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1C					DHCQ 15
490	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_7	18	20	TH	Trần Viết Phương	15/08-25/09/22	6	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B					DHCQ 15
491	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_8	18	21	TH	Hoàng Văn Thụ	07/11-18/12/22	6	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B					DHCQ 15
492	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_9	18	17	TH	Đào TấtThẩm	07/11-17/12/22	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
493	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_10	18	22	TH	Lê Văn Thắng	15/08-25/09/22	6	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B	13,14,15,16	X.DIE N OTO-1B					DHCQ 15
494	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_11	18	23	TH	Lê Xuân Đồng	26/09-06/11/22	6	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B	7,8,9,10	VH.ĐC XANG-1B					DHCQ 15
495	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(122)_1	18	20	TH	Lê Xuân Đồng	07/11-18/12/22	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A					DHCQ 15
496	3DL149 DH	2	Công nghệ chẩn đoán(122)_01	64	60	LT	Lương Văn Chiến	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.210							DHCQ 15
497	3DL141 DH	3	Công nghệ gia công chi tiết và lắp ráp(122)_01	36	31	LT	Nguyễn Thanh Bình	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A2.102									DHCQ 16
498	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_01 DA	52	52	DA		15/08-04/12/22	16			6	A2.106											DHCQ 15
499	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_02 DA	50	46	DA		15/08-04/12/22	16			6	A2.107											DHCQ 15
500	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_03 DA	56	49	DA		15/08-04/12/22	16			6	A2.108											DHCQ 15
501	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_04 DA	55	55	DA		15/08-04/12/22	16			6	A2.203											DHCQ 15
502	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_05 DA	55	54	DA		15/08-04/12/22	16					12	A2.101									DHCQ 15
503	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_06 DA	50	50	DA		15/08-04/12/22	16			12	A2.106											DHCQ 15
504	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(122)_07 DA	50	50	DA		15/08-04/12/22	16			12	A2.107											DHCQ 15
505	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_01	50	48	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16					3,4	A2.106									DHCQ 15
506	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_02	50	36	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.107											DHCQ 15
507	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_03	50	39	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16			3,4	A2.108											DHCQ 15
508	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_04	55	55	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.203							DHCQ 15
509	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_05	55	52	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.101							DHCQ 15
510	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_06	50	51	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16					10,11	A2.106									DHCQ 15
511	3DL118 DH	2	Hệ thống điện động cơ(122)_07	50	50	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.107											DHCQ 15
512	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122)_01	50	45	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16							3,4	A2.106							DHCQ 15
513	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122)_02	50	50	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.107									DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
514	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122) 03	50	43	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16									3,4	A2.108					DHCQ 15
515	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122) 04	55	47	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16									1,2	A2.203					DHCQ 15
516	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122) 05	55	57	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16						9,10	A2.101								DHCQ 15
517	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122) 06	50	49	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.106													DHCQ 15
518	3DL119 DH	2	Hệ thống điện thân xe(122) 07	50	51	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16									7,8	A2.107					DHCQ 15
519	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_01	50	49	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16			3,4,5	A2.106											DHCQ 15
520	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_02	50	38	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16	3,4,5	A2.107													DHCQ 15
521	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_03	50	46	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16					3,4,5	A2.108									DHCQ 15
522	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_04	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16							3,4,5	A2.203							DHCQ 15
523	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_05	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16			7,8,9	A2.101											DHCQ 15
524	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_06	50	53	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A2.106									DHCQ 15
525	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(122)_07	50	51	LT	Nguyễn Ngọc Tú	15/08-04/12/22	16	7,8,9	A2.107													DHCQ 15
526	3DL142 DH	3	Máy công cụ(122)_01	63	62	LT	Đậu Phi Hải	15/08-04/12/22	16							1,2,3	A2.209							DHCQ 15
527	3DL142 DH	3	Máy công cụ(122)_02	63	66	LT	Đậu Phi Hải	15/08-04/12/22	16							7,8,9	A2.203							DHCQ 15
528	3DL150 DC	2	Máy nâng chuyển(122)_01	64	58	LT	Nguyễn Thanh Bình	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.210													DHCQ 15
529	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 01	55	53	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16					3,4	A2.203									DHCQ 16
530	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 02 164	55	56	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.204									DHCQ 16
531	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 03	55	59	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16	4,5	A2.101													DHCQ 16
532	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 04	55	55	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.102													DHCQ 16
533	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 05	55	43	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16	9,10	A2.108													DHCQ 16
534	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 06	55	39	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16					7,8	A2.203									DHCQ 16
535	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 07	55	50	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16							7,8	A2.107							DHCQ 16
536	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(122) 08	55	48	LT	Nguyễn Hữu Chinh	15/08-04/12/22	16									9,10	A2.204					DHCQ 16
537	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(122)_02_TH	17	15	TH	Nguyễn Văn Hiếu	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C	1,2,3,4	X.SC.T BCK C					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
538	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(122) 03 TH	17	14	TH	Nguyễn Văn Thiêm	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B	1,2,3,4	X.SC.T BCK B					DHCQ 16
539	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_01	55	53	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16							1,2	A2.204							DHCQ 16
540	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122) 02 134	55	53	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16			4,5	A2.204											DHCQ 16
541	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_03	55	55	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.102						DHCQ 16
542	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_04	55	53	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.102											DHCQ 16
543	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_05	55	53	LT	Nguyễn Văn Đại	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.108											DHCQ 16
544	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_06	55	36	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16							9,10	A2.106							DHCQ 16
545	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_07	55	39	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16					10,11	A2.107									DHCQ 16
546	3DL134 DH	2	Thiết bị xường ô tô(122)_08	55	44	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.108						DHCQ 16
547	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH	50	35	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1					DHCQ 14
548	3DL202 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH/DHKC KCK14A1	50	43	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1					DHCQ 14
549	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_02_TH/DHOT OCK14A4	50	41	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2					DHCQ 14
550	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_03_TH/DHOT OCK14A3	50	49	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3					DHCQ 14
551	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_04_TH/DHOT OCK14A2	50	45	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4					DHCQ 14
552	3DL259 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_05_TH/DHOT OCK14A1	52	52	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3					DHCQ 14
553	4DL259 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_6	10	6	LT		22/08-30/10/22	10	8,9,10, 11		8,9,10, 11		8,9,10, 11		8,9,10, 11		8,9,10, 11						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
554	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH	50	43	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)1					DHCQ 14
555	3DL203 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHKC KCK14A1	50	43	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)1					DHCQ 14
556	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_02_TH/DHOT OCK14A4	50	31	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)2					DHCQ 14
557	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_03_TH/DHOT OCK14A3	50	49	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)3					DHCQ 14
558	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_04_TH/DHOT OCK14A2	50	47	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4	8,9,10, 11	Thực tập TN(Oto)4					DHCQ 14
559	3DL260 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_05_TH/DHOT OCK14A1	52	52	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3	8,9,10, 11	Thực tập TN(KC K)3					DHCQ 14
560	4DL260 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(122)_6	10	9	LT		31/10-08/01/23	10	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT	8,9,10, 11	TT					DHCQ 15
561	4DL233 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(122)_2	10	17	LT		15/08-27/11/22	15											6	A2.102			DHCQ 15
562	3DL205 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(122)_4	10	2	LT		22/08-04/12/22	15									6						DHCQ 14
563	4DL205 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(122)_5	10	2	LT		22/08-30/10/22	10			6												DHCQ 15
564	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_01	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.106													DHCQ 15
565	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_02	50	33	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16									3,4	A2.107					DHCQ 15
566	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_03	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16							4,5	A2.108							DHCQ 15
567	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_04	55	56	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.203													DHCQ 15
568	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_05	55	54	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.101													DHCQ 15
569	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_06	50	51	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.106											DHCQ 15
570	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(122)_07	50	56	LT	Dương Xuân Mỹ	15/08-04/12/22	16					7,8	A2.107									DHCQ 15
571	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122)_01	64	64	LT	Trần Đình Hiếu	15/08-04/12/22	16									1,2	A2.210					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
572	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 02	55	55	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.203											DHCQ 16
573	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 03 152	55	60	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16								3,4	A2.101						DHCQ 16
574	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 04	55	56	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16						1,2	A2.102								DHCQ 16
575	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 05	55	56	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.102													DHCQ 16
576	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 06	55	57	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.108													DHCQ 16
577	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 08	55	59	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.106						DHCQ 16
578	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(122) 09	55	58	LT	Phạm Minh Tâm	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.106											DHCQ 16
579	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(122)_01	64	58	LT	Lương Hải Chung	15/08-04/12/22	16			3,4	A2.210											DHCQ 15
580	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(122)_02	63	62	LT	Lương Hải Chung	15/08-04/12/22	16	1,2	A2.209													DHCQ 15
581	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(122)_03	63	63	LT	Lương Hải Chung	15/08-04/12/22	16	7,8	A2.209													DHCQ 15
582	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(122)_01	36	32	LT	Lương Văn Chiến	15/08-04/12/22	16								7,8	A2.204						DHCQ 16
583	3CK123 DH	2	Công nghệ chế tạo máy 1(122) 01	63	64	LT	Nguyễn Bá Thuận	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.209											DHCQ 15
584	3CK123 DH	2	Công nghệ chế tạo máy 1(122) 02	63	61	LT	Lê Thái Sơn	15/08-04/12/22	16			9,10	A2.204											DHCQ 15
585	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(122) 1	30	15	LT		29/08-11/12/22	15	6	A2.305 (CTM)													DHCQ 15
586	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(122) 01 DA	63	64	DA		15/08-04/12/22	16			6	A2.204											DHCQ 15
587	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(122) 02 DA	63	55	DA		15/08-04/12/22	16			12	A2.101											DHCQ 15
588	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 01	53	43	LT	Lưu Thủy Chung	15/08-04/12/22	16						1,2	A2.309								DHCQ 16
589	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 02	45	61	LT	Lưu Thủy Chung	15/08-04/12/22	16						7,8	A2.309								DHCQ 16
590	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 03	55	47	LT	Trần Đình Hiếu	15/08-04/12/22	16						3,4	A2.204								DHCQ 16
591	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 04 1D5	55	54	LT	Phạm Huy Bằng	15/08-04/12/22	16								1,2	A2.101						DHCQ 16
592	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 05	55	55	LT	Trần Đình Hiếu	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.101											DHCQ 16
593	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 06	55	54	LT	Phạm Huy Bằng	15/08-04/12/22	16					1,2	A2.101									DHCQ 16
594	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 07	55	53	LT	Phạm Huy Bằng	15/08-04/12/22	16								10,11	A2.108						DHCQ 16
595	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 09	55	40	LT	Trần Đình Hiếu	15/08-04/12/22	16						9,10	A2.108								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
596	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(122) 10	55	59	LT	Phạm Huy Bằng	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.204											DHCQ 16
597	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_01_TH	22	21	TH	Nguyễn Khắc Chính	14/11-19/11/22	1					10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Chính	21/11-17/12/22	3	8,9,10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC	8,9,10,11	X.CNC					DHCQ 15
598	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_02_TH	22	22	TH	Nguyễn Khắc Chính	12/09-18/09/22	1	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Chính	19/09-09/10/22	3	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Chính	10/10-16/10/22	1	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14	X.CNC									DHCQ 15
599	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_03_TH	22	25	TH	Nguyễn Chương Đạo	17/10-13/11/22	4	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo	14/11-20/11/22	1	13,14,15,16	X.CNC	13,14,15,16	X.CNC	13,14	X.CNC									DHCQ 15
600	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_04_TH	22	22	TH	Nguyễn Thanh Sơn	15/08-11/09/22	4	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	12/09-18/09/22	1	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	9,10	X.CNC									DHCQ 15
601	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_05_TH	22	22	TH	Nguyễn Thanh Sơn	12/09-18/09/22	1					7,8	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	19/09-16/10/22	4	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC					DHCQ 15
602	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_06_TH	22	22	TH	Nguyễn Thanh Sơn	17/10-13/11/22	4	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	14/11-20/11/22	1	7,8,9,10	X.CNC	7,8,9,10	X.CNC	7,8	X.CNC									DHCQ 15
603	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_08_TH	22	22	TH	Hoàng Xuân Lâm	12/09-18/09/22	1					3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC					DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm	19/09-16/10/22	4	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC					DHCQ 15
604	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(122)_09_TH	22	21	TH	Nguyễn Thanh Sơn	15/08-11/09/22	4	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC					DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	12/09-18/09/22	1	1,2,3,4	X.CNC	1,2,3,4	X.CNC	1,2	X.CNC									DHCQ 15
605	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(122) 01	36	40	LT	Trần Đình Hiếu	15/08-04/12/22	16			7,8,9	A2.210											DHCQ 16
606	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 01	53	53	LT	Ngô Văn Giang	15/08-04/12/22	16	3,4,5	A2.309													DHCQ 16
607	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 02	45	45	LT	Ngô Văn Giang	15/08-04/12/22	16			9,10,11	A2.309											DHCQ 16
608	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 03	55	46	LT	Nguyễn Chung	15/08-04/12/22	16									1,2,3	A2.204					DHCQ 16
609	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 04 108	55	53	LT	Ngô Văn Giang	15/08-04/12/22	16			1,2,3	A2.204											DHCQ 16
610	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 05	55	55	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	15/08-04/12/22	16	1,2,3	A2.101													DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
611	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 06	55	55	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	15/08-04/12/22	16			3,4,5	A2.101											DHCQ 16
612	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 07	55	51	LT	Nguyễn Chung	15/08-04/12/22	16					7,8,9	A2.108									DHCQ 16
613	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 08	55	34	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	15/08-04/12/22	16									9,10,11	A2.107					DHCQ 16
614	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 09	55	44	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	15/08-04/12/22	16			7,8,9	A2.203											DHCQ 16
615	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(122) 10	55	46	LT	Ngô Văn Giang	15/08-04/12/22	16	7,8,9	A2.204													DHCQ 16
616	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(122) 01	53	45	LT	Lê Phú Cường	15/08-04/12/22	16			1,2	A2.309											DHCQ 16
617	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(122) 02	45	41	LT	Lê Phú Cường	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.309											DHCQ 16
618	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_01_TH	22	22	TH	Nguyễn Chương Đạo	22/08-11/09/22	3	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI					DHCQ 15
619	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_02_TH	22	22	TH	Ngô Xuân Sơn	19/09-09/10/22	3	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI					DHCQ 15
620	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_03_TH	22	18	TH	Nguyễn Khắc Chính	17/10-06/11/22	3	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI	7,8,9,10	X.MAI					DHCQ 15
621	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_04_TH	22	22	TH	Ngô Xuân Sơn	22/08-11/09/22	3	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI					DHCQ 15
622	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_05_TH	22	22	TH	Nguyễn Chương Đạo	19/09-09/10/22	3	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI					DHCQ 15
623	3CK255 DH	2	Thực hành mài(122)_06_TH	22	14	TH		21/11-11/12/22	3	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI	1,2,3,4	X.MAI					DHCQ 15
624	3CK256 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_01_TH/DHCT MCK14A2	55	46	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1					DHCQ 14
625	3CK256 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_02_TH/DHCT MCK14A1	55	50	TH		22/08-23/10/22	9	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2					DHCQ 14
626	4CK256 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(122)_3	10	2	LT		22/08-30/10/22	10	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4					DHCQ 15
627	3CK257 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_01_TH/DHCT MCK14A2	55	47	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)1					DHCQ 14
628	3CK257 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(122)_02_TH/DHCT MCK14A1	55	49	TH		24/10-25/12/22	9	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)2					DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
629	4CK257 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(122)_3	10	2	LT		31/10-08/01/23	10	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4	8,9,10,11	Thực tập TN(CT M)4					DHCQ 15
630	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ	17	17	TH	Trần Văn Giang	15/08-04/09/22	3	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1					DHCQ 16
631	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ	17	17	TH	Đậu Tấn Cường	05/09-25/09/22	3	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1					DHCQ 16
632	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ	17	12	TH	Đậu Tấn Cường	26/09-16/10/22	3	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1	7,8,9,10	X.TIE N1					DHCQ 16
633	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ	22	20	TH	Mai Tất Lợi	15/08-04/09/22	3	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1					DHCQ 16
634	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ	22	21	TH	Mai Tất Lợi	05/09-25/09/22	3	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1	1,2,3,4	X.TIE N1					DHCQ 16
635	3CK127 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất(122) 02	63	55	LT	Lương Hải Chung	15/08-04/12/22	16	3,4	A2.209													DHCQ 15
636	3CK127 DH	2	Tự động hóa quá trình sản xuất(122) 03	63	64	LT	Lương Hải Chung	15/08-04/12/22	16			7,8	A2.209											DHCQ 15
637	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_1	50	51	LT	Lê Anh Thơ	15/08-21/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103					DHCQ 15
							Lê Anh Thơ	22/08-28/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103							DHCQ 15
638	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_2	50	50	LT	Nguyễn Xuân Trường	15/08-21/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104					DHCQ 15
							Nguyễn Xuân Trường	22/08-28/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104							DHCQ 15
639	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_3	50	51	LT	Nguyễn Công Thắng	15/08-21/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105					DHCQ 15
							Nguyễn Công Thắng	22/08-28/08/22	1	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105							DHCQ 15
640	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_4	50	46	LT	Nguyễn Đình Tuấn	15/08-21/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103					DHCQ 15
							Nguyễn Đình Tuấn	22/08-28/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103	7,8,9,10,11	A2.103							DHCQ 15
641	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_5	50	50	LT	Nguyễn Văn Luyện	15/08-21/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104					DHCQ 15
							Nguyễn Văn Luyện	22/08-28/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104	7,8,9,10,11	A2.104							DHCQ 15
642	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(122)_6	50	46	LT	Hoàng Công Minh	15/08-21/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105					DHCQ 15
							Hoàng Công Minh	22/08-28/08/22	1	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105	7,8,9,10,11	A2.105							DHCQ 15
643	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_1	50	52	LT	Nguyễn Xuân Trường	29/08-04/09/22	1	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5	A2.103	1,2,3,4,5		DHCQ 15
644	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_2	50	51	LT	Nguyễn Công Thắng	29/08-04/09/22	1	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5	A2.104	1,2,3,4,5		DHCQ 15
645	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_3	50	51	LT	Lê Anh Thơ	29/08-04/09/22	1	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5	A2.105	1,2,3,4,5		DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
646	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_4	50	53	LT	Nguyễn Văn Luyện	29/08-04/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103			DHCQ 15
647	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_5	50	52	LT	Nguyễn Đình Tuấn	29/08-04/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104			DHCQ 15
648	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(122)_6	50	52	LT	Hoàng Công Minh	29/08-04/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105			DHCQ 15
649	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 1	50	53	LT	Nguyễn Xuân Trường	05/09-11/09/22	1	1,2,3,4, 5	A2.103	1,2,3,4, 5	A2.103	1,2,3,4, 5	A2.103	1,2,3,4, 5	A2.103	1,2,3,4, 5	A2.103	1,2,3,4, 5	A2.103			DHCQ 15
650	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 2	50	53	LT	Lê Anh Thơ	05/09-11/09/22	1	1,2,3,4, 5	A2.104	1,2,3,4, 5	A2.104	1,2,3,4, 5	A2.104	1,2,3,4, 5	A2.104	1,2,3,4, 5	A2.104	1,2,3,4, 5	A2.104			DHCQ 15
651	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 3	50	52	LT	Nguyễn Công Thắng	05/09-11/09/22	1	1,2,3,4, 5	A2.105	1,2,3,4, 5	A2.105	1,2,3,4, 5	A2.105	1,2,3,4, 5	A2.105	1,2,3,4, 5	A2.105	1,2,3,4, 5	A2.105			DHCQ 15
652	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 4	50	53	LT	Hoàng Công Minh	05/09-11/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103	7,8,9,1 0,11	A2.103			DHCQ 15
653	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 5	50	54	LT	Nguyễn Văn Luyện	05/09-11/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104	7,8,9,1 0,11	A2.104			DHCQ 15
654	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(122) 6	50	51	LT	Nguyễn Đình Tuấn	05/09-11/09/22	1	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105	7,8,9,1 0,11	A2.105			DHCQ 15
655	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	51	LT	Nguyễn Xuân Trường	12/09-25/09/22	2	1,2,3,4, 5	SVD6	1,2,3,4, 5	SVD6	1,2,3,4, 5	SVD6	1,2,3,4, 5	SVD6	1,2,3,4, 5	SVD6	1,2,3,4, 5	SVD6			DHCQ 15
656	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	51	LT	Lê Anh Thơ	12/09-25/09/22	2	1,2,3,4, 5	SVĐ1	1,2,3,4, 5	SVĐ1	1,2,3,4, 5	SVĐ1	1,2,3,4, 5	SVĐ1	1,2,3,4, 5	SVĐ1	1,2,3,4, 5	SVĐ1			DHCQ 15
657	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	50	LT	Nguyễn Công Thắng	12/09-25/09/22	2	1,2,3,4, 5	SVĐ2	1,2,3,4, 5	SVĐ2	1,2,3,4, 5	SVĐ2	1,2,3,4, 5	SVĐ2	1,2,3,4, 5	SVĐ2	1,2,3,4, 5	SVĐ2			DHCQ 15
658	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	54	LT	Nguyễn Đình Tuấn	12/09-25/09/22	2	7,8,9,1 0,11	SVD6	7,8,9,1 0,11	SVD6	7,8,9,1 0,11	SVD6	7,8,9,1 0,11	SVD6	7,8,9,1 0,11	SVD6	7,8,9,1 0,11	SVD6			DHCQ 15
659	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	53	LT	Nguyễn Văn Luyện	12/09-25/09/22	2	7,8,9,1 0,11	SVĐ1	7,8,9,1 0,11	SVĐ1	7,8,9,1 0,11	SVĐ1	7,8,9,1 0,11	SVĐ1	7,8,9,1 0,11	SVĐ1	7,8,9,1 0,11	SVĐ1			DHCQ 15
660	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	50	54	LT	Phan Văn Thám	12/09-25/09/22	2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2	7,8,9,1 0,11	SVĐ2			DHCQ 15
661	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 01	55	54	TH	Nguyễn Đình Tuấn	26/09-04/12/22	10							1,2,3	SVĐ.7							DHCQ 16
662	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 01 TH	60	60	TH	Nguyễn Xuân Trường	26/09-04/12/22	10	9,10,11	SVĐ1													DHCQ 16
663	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 02	55	44	TH	Nguyễn Văn Luyện	26/09-04/12/22	10							9,10,11	SVĐ.7							DHCQ 16
664	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 02 TH	55	46	TH	Hoàng Công Minh	26/09-04/12/22	10			1,2,3	SVĐ1											DHCQ 16
665	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 03	55	54	TH	Nguyễn Đình Tuấn	26/09-04/12/22	10	9,10,11	SVĐ2													DHCQ 16
666	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 03 TH	50	51	TH	Nguyễn Đình Tuấn	26/09-04/12/22	10					1,2,3	SVĐ1									DHCQ 16
667	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 04	55	42	TH	Hoàng Công Minh	26/09-04/12/22	10							9,10,11	SVĐ1							DHCQ 16
668	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 04 TH	53	53	TH	Phan Văn Thám	26/09-04/12/22	10					1,2,3	SVĐ2									DHCQ 16
669	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 04 TH 107	60	60	TH	Nguyễn Đình Tuấn	26/09-04/12/22	10			9,10,11	SVĐ2											DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ Nhật		Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Giảng đường	
670	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 05 TH	57	53	TH	Nguyễn Văn Luyện	26/09-04/12/22	10					9,10,11	SVĐ1									DHCQ 16
671	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 06 TH	60	43	TH	Lê Anh Thơ	26/09-04/12/22	10									1,2,3	SVĐ2					DHCQ 16
672	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 07 TH	50	52	TH	Lê Anh Thơ	26/09-04/12/22	10					9,10,11	SVĐ2									DHCQ 16
673	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 08 TH	55	50	TH	Lê Anh Thơ	26/09-04/12/22	10	1,2,3	SVĐ2													DHCQ 16
674	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 09 TH 134	55	50	TH	Nguyễn Xuân Trường	26/09-04/12/22	10	1,2,3	SVĐ.7													DHCQ 16
675	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 10 TH	54	50	TH	Nguyễn Xuân Trường	26/09-04/12/22	10									1,2,3	SVĐ1					DHCQ 16
676	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 11 TH	55	39	TH	Lê Anh Thơ	26/09-04/12/22	10			1,2,3	SVĐ2											DHCQ 16
677	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 12 TH	55	55	TH	Nguyễn Xuân Trường	26/09-04/12/22	10					1,2,3	SVĐ.7									DHCQ 16
678	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 14 TH	50	45	TH	Hoàng Công Minh	26/09-04/12/22	10									9,10,11	SVĐ1					DHCQ 16
679	3TQ008 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)(122) 15 TH	50	63	TH	Phan Văn Thám	26/09-04/12/22	10											9,10,11	SVĐ2			DHCQ 16

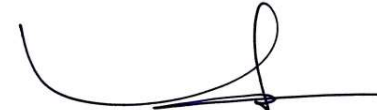
Nghệ An, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Người lập TKB



Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo



Phạm Văn Thông